TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

2. Bà Trần Thị Kim Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyên Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh ngày 09/11/1993; CCCD số 089193004182, ngày cấp 21/12/2022;

Nơi cư trú: Tổ D, ấp A, xã B, tỉnh An Giang (trước đây là tổ D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Trí T, sinh ngày 16/9/1992; CCCD số 089092000741, ngày cấp 02/4/2021;

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là khóm Thị 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân. Đến ngày 25/3/2019 thì chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh Lê Trí T địa chỉ ấp T, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang). Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Lê Trí T thường xuyên ghen tuông vô cớ vì cho rằng chị Nguyễn Thị C có tình cảm với người đàn ông khác từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vả; ngoài ra anh Lê Trí T cũng thường xuyên uống rượu, trong quá trình say sỉn thì có dùng tay, chân đánh đập chị Nguyễn Thị C nhưng vì nghĩ đến con nên chị Nguyễn Thị C tiếp tục sống với anh Lê Trí T. Đến tháng 12/2023, gia đình có tổ chức cúng hằng tuần cho mẹ chị Nguyễn Thị C nên chị Nguyễn Thị C có cùng các con về nhà mẹ ruột để dự đám, khi đó anh Lê Trí T có sang nhà mẹ ruột chị Nguyễn Thị C và bắt chị Nguyễn Thị C về liền, chị Nguyễn Thị C có xin anh Lê Trí T ở lại thêm vài ngày rồi sẽ về nhưng anh Lê Trí T không không ý nên vợ chồng có xảy ra cự cãi, trong quá trình cự cãi thì anh Lê Trí T dẫn các con về nhà cha mẹ ruột của anh Lê Trí T, bỏ mặc chị Nguyễn Thị C ở lại đó, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay; ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Những mâu thuẫn chị Nguyễn Thị C trình bày thì địa phương không biết được. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T; trước đây, bản thân chị Nguyễn Thị C có cho anh Lê Trí T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Lê Trí T không thay đổi tính tình nên không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trí T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T có 03 (ba) con chung tên Lê Trí T1, sinh ngày 09/9/2019, Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 11/6/2021 và Lê Trí T2, sinh ngày 03/4/2023. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị C đồng ý để anh Lê Trí T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Trí T1, sinh ngày 09/9/2019, Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 11/6/2021 và Lê Trí T2, sinh ngày 03/4/2023; chị Nguyễn Thị C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Bị đơn anh Lê Trí T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Lê Trí T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Trí T. Về con chung, anh Lê Trí T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Trí T1, sinh ngày 09/9/2019, Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 11/6/2021 và Lê Trí T2, sinh ngày 03/4/2023; chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh của con chung, anh Lê Trí T có nơi cư trú tại ấp T, xã L, tỉnh An Giang. Tại Biên bản xác minh ngày 17/02/2026 (BL: 19), hiện nay, anh Lê Trí T có đăng ký thường trú và cư trú tại ấp T, xã L, tỉnh An Giang nhưng thường vắng mặt tại địa phương, do không có trình báo chính quyền địa phương nên không xác định anh Lê Trí T đi đâu. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của anh Lê Trí T tại ấp T, xã L, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Lê Trí T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Lê Trí T (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp T, xã L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.3] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Trí T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trí T của chị Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị C cho rằng, chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang). Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Lê Trí T thường xuyên ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Nguyễn Thị C. Mâu

thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 12/2023 nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T; bản thân chị Nguyễn Thị C có cho anh Lê Trí T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Lê Trí T không thay đổi tính tình nên không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trí T.

Anh Lê Trí T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Lê Trí T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T theo quy định của pháp luật nhưng anh Lê Trí T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện anh Lê Trí T không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T nên lời trình bày của chị Nguyễn Thị C về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn anh Lê Trí T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị C về việc để anh Lê Trí T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung khi vợ chồng ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị C xác định chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T có 03 con chung tên Lê Trí T1, sinh ngày 09/9/2019, Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 11/6/2021 và Lê Trí T2, sinh ngày 03/4/2023; hiện nay, các con chung đang sống với anh Lê Trí T. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị C đồng ý để anh Lê Trí T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Trí T1, sinh ngày 09/9/2019, Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 11/6/2021 và Lê Trí T2, sinh ngày 03/4/2023.

Anh Lê Trí T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Nguyễn Thị C, con chung hiện nay đang sống với anh Lê Trí T; quá trình sinh sống với anh Lê Trí T, con chung vẫn phát triển tốt. Để ổn định cuộc

sống cho cháu Lê Trí T1, cháu Lê Thị Mỹ D, và cháu Lê Trí T2, giúp các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Nguyễn Thị C đồng ý để anh Lê Trí T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung khi chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T ly hôn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Trí T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trí T ly hôn nên chị Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh Lê Trí T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Lê Trí T.

[2] Về con chung:

Anh Lê Trí T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Trí T1, sinh ngày 09/9/2019, Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 11/6/2021 và Lê Trí T2, sinh ngày 03/4/2023. Hiện nay, các con chung đang sống với anh Lê Trí T.

Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Trí T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0005600 ngày 22/10/2025 và Biên lai thu số 0006385 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Thi hánh án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Long Điền, tỉnh An Giang (trước đây là UBND thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang